TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày: 14/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

Ông: Đinh Quốc Hội

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

T T L sinh ngày: 12 tháng 02 năm 1985 tại: T H, M H, Q B.

Nơi cư trú: Bản M O , xã T H, huyện M H, tỉnh Q B; nghề nghiệp: Sản xuất nông nghiệp; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Sách; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T Tr Tr và bà Đ T T; có chồng là C V H và 04 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo T T L: Ông H K C – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q B. Có mặt

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị T T H

Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt

Chị C T D

Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt
Anh C X H
Địa chỉ: Thôn T L, xã H H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt
Bà Đ T T
Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt
Anh C V H
Địa chỉ: Bản M O, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt
Chị C T S
Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt
Chị C T D
Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt
Anh T X L
Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt
Anh T X D 1
Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt
Anh T X D 2
Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt
Chị H T L
Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt
Anh T X B
Địa chỉ: Bản Y H, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại vùng rừng R L xã T H, huyện M H có một số diện tích rừng đã bị chặt phá trồng keo, nên vào tháng 7 năm 2017, T T L bàn với chồng là C V H chặt phát rừng trồng cây keo để phát triển kinh tế gia đình, H đồng ý nhưng hai vợ chồng không đủ tiền để thuê người phá rừng và mua giống cây keo nên L bàn với hai em trai là T X D1 và T X D2 góp tiền làm chung. D1 và D2 đồng ý góp mỗi người ba triệu đồng và đưa tiền cho L, vợ chồng L cũng góp ba triệu đồng. L đã chủ động thuê và nhờ người chặt phá rừng gồm: mẹ đẻ Đ T T, anh trai T X B, chị dâu H T L, em trai T X L, cháu T T H, C T D, C T S, C T D đều ở bản Y H, xã T H và C X H ở thôn T L, xã H H, huyện M H. Thỏa thuận tiền công chặt phá đối với nữ là 80.000đ/ngày và nam giới 100.000đ/ngày. Vùng rừng L bàn và thuê chặt phá là vùng rừng vợ chồng L đã rào lại bằng dây thép gai từ trước.

Các đối tượng tham gia chặt phá rừng trong thời gian 5 ngày, từ ngày 25/7/2017 đến ngày 29/7/2017 gồm: Vợ chồng T T L, C V H, C X H, T T H, H T

L, Đ T T, C T D, C T S, T X D1, C T D, T X L, T X D2, T X B, tất cả đều dùng rựa, riêng H, D2 dùng máy cắt cỏ và máy cưa xăng để phát rừng. Trong đó T T L, C X H, T T H, L, T, D tham gia chặt phát 5 ngày; H và D tham gia chặt phát 4 ngày; B và D2 tham gia chặt phát 2 ngày; riêng S, D1 và T X L chỉ tham gia chặt phát 01 ngày. Trong quá trình các đối tượng chặt phá rừng, có lực lượng chức năng đến giải thích, can ngăn không cho chặt phá rừng nhưng các đối tượng vẫn tiếp tục chặt phá cho đến khi bị lập biên bản vi phạm hành chính và thu giữ công cụ phương tiện.

Tại bản kết luận giám định số 966 ngày 18/9/2017 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Q B kết luận: Vị trí khu vực rừng bị chặt phá thuộc lô 551, tiểu khu NTK. Diện tích rừng bị chặt phá trái pháp luật là: 11.236m^2; chức năng rừng: Quy hoạch rừng phòng hộ.

Ngày 21/9/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Minh Hóa, kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của đám rừng bị phá trái pháp luật tại lô 551, tiểu khu NTK, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B là: 28.124.450 đồng.

Phần diện tích rừng bị các đối tượng chặt phá thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 22 khu vực Bản M O, xã T H, do UBND xã T H quản lý. Tại thửa đất này toàn bộ diện tích rừng được quy hoạch chức năng rừng phòng hộ, nhưng thực trạng hiện nay phần lớn diện tích rừng người dân đã phát xẻ làm rẫy trồng sắn, chè và trồng keo khoảng từ 1 đến 2 năm trước đó nhưng không ai bị xử lý gì. Bên cạnh đó vào tháng 4 năm 2017 UBND xã T H có chủ trương rà soát để giao đất lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Bản M O đã tiến hành họp bản và thống nhất một số nội dung trong đó thể hiện: vị trí giao đất là vùng R L, các hộ khai hoang và trồng rừng trước đây thì giao cho họ nhưng phải xem xét cân đối lại diện tích cho công bằng. Các đối tượng tham gia chặt phát rừng đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc S và dân tộc K) có trình độ văn hóa thấp, nhiều người không biết chữ, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, các đối tượng sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, có điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, thuộc diện hộ nghèo của xã. Hiện nay các đối tượng đang được hưởng nhiều chính sách của Đảng, Nhà nước theo chương trình 135. Nghị quyết 30a, Quyết định 102/2009, Quyết định 755/2013... về hỗ trợ, ổn định cuộc sống bằng tiền, hiện vật, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt... Các đối tượng đều là con cháu trong cùng một gia đình. Sau khi thực hiện hành vi vi phạm, các đối tượng đã khai báo thành khẩn toàn bộ diễn biến nội dung vụ việc.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa tạm giữ:

- 01 máy cưa xích cầm tay dùng xăng, nhãn hiệu STIHL – 381;
- 01 máy cắt cỏ hiệu YONG JIA màu cam đen, thân kim loại hình trụ tròn tiếp nối giữa máy và lưỡi cắt dài 150cm, lưỡi cắt bằng kim loại dài 36cm, rộng 8cm, tay cầm kiểu ghi đông hình chữ U;

- 01 cái rựa dài 79cm, cán làm bằng gỗ dài 51cm, lưỡi làm bằng kim loại dài 28cm;

- 01 cái rựa dài 74cm, cán làm bằng gỗ tròn dài 50cm, lưỡi làm bằng kim loại dài 24cm, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 3 vòng kim loại bao quanh;

- 01 cái rựa bị gãy phần cán, phần lưỡi làm bằng kim loại dài 28cm, phần tiếp giáp với cán gãy có 2 vòng kim loại bao quanh;

- 01 cái rựa dài 74cm, cán làm bằng gỗ tròn dài 45cm, lưỡi làm bằng kim loại dài 29cm, giữa phần lưỡi bị sứt mẻ, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 01 vòng kim loại bao quanh;

- 01 cái rựa dài 64cm, cán làm bằng gỗ tròn dài 37cm, lưỡi làm bằng kim loại dài 27cm, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 01 vòng kim loại bao quanh;

- 01 cái rựa dài 64cm, cán làm bằng gỗ tròn dài 36cm, lưỡi làm bằng kim loại dài 28cm, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 01 vòng kim loại bao quanh;

- 01 cái rựa dài 74cm, cán làm bằng gỗ tròn dài 45cm, lưỡi làm bằng kim loại dài 29cm, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 01 vòng kim loại bao quanh;

- 01 cái rựa dài 78cm, cán làm bằng gỗ tròn dài 50cm, lưỡi làm bằng kim loại dài 28cm, giữa phần lưỡi bị sứt mẻ, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 02 vòng kim loại bao quanh.

Cáo trạng số 26/CT-VKSMH ngày 27/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá quyết định truy tố bị cáo T T L về tội "Hủy hoại rừng" theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T T L về tội "Hủy hoại rừng" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3, Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo T T L 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Đề nghị xét xử về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí.

Căn cứ vào kết quả thẩm vấn công khai tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên toà; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên toà bị cáo đã nhất trí hoàn toàn với nội dung bản cáo trạng được đại diện Viện kiểm sát công bố và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án,

phù hợp với các lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên toà, qua đó cho thấy:

Từ ngày 25 đến ngày 29/7/2017 T T L đã chủ động tìm người để thuê chặt phá rừng tại khu vực rừng R L thuộc lô 551, tiểu khu NTK, xã T H, huyện M H, T T L cùng các đối tượng khác đã có hành vi chặt phá rừng, gây thiệt hại về diện tích rừng phòng hộ 11.236$m^{2,}$, giá trị thiệt hại: 28.124.450 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo T T L đủ yếu tố cấu thành tội *"Hủy hoại rừng"* theo khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố cũng như đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo T T L 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Việc truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T T L: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng rừng núi đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do mình gây ra, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm k khoản 1 Điều 46, Điều 54, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 cho bị cáo được hưởng án treo.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Minh Hóa, Viện kiểm sát huyện Minh Hóa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo T T L đã thừa nhận hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa. Như vậy Viện kiểm sát truy tố và luận tội là có căn cứ. Do đó kết luận bị cáo T T L phạm tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại điểm b khoản 3 điều 189 Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Xét tính chất hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra vụ án cho thấy:

Đây là hành vi pham tội có tính chất nghiêm trọng, tuy không phải phạm tội có tổ chức nhưng hành vi của các bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật. Rừng là tài nguyên của quốc gia, do Nhà nước sở hữu và quản lý. Hiện nay rừng đang bị tàn phá nặng nề, cần được khôi phục và bảo vệ thì các bị cáo lại phá rừng gây thiệt hại nghiêm trọng. Hành vi trên cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm minh nhằm trừng trị, cải tạo thành người tốt nhằm răn đe và giáo dục chung. Tuy nhiên xét thấy

bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu vùng xa, địa bàn kinh tế xã hội chưa phát triển, còn lạc hậu, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 4.924.450đ (Bốn triệu chín trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) khắc phục thiệt hại do mình gây ra. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, p, k khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử dưới khung hình phạt và áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 để cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa là có căn cứ.

Trong vụ án này còn có C V H, C X H, T T H, H T L, Đ T T, C T D, C T S, T X D1, C T D, T X L, T X D2, T X B là những người cùng T T L chặt phá rừng. Tuy nhiên, xét thấy các đối tượng này đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc S và dân tộc K) có trình độ văn hóa thấp, nhiều người không biết chữ, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, các đối tượng sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, có điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, thuộc diện hộ nghèo của xã. Hiện nay các đối tượng đang được hưởng nhiều chính sách của Đảng, Nhà nước theo chương trình 135. Nghị quyết 30a, Quyết định 102/2009, Quyết định 755/2013... về hỗ trợ, ổn định cuộc sống bằng tiền, hiện vật, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt... Các đối tượng đều là con cháu trong cùng một gia đình. Sau khi thực hiện hành vi vi phạm, các đối tượng đã khai báo thành khẩn toàn bộ diễn biến nội dung vụ việc nên Cơ quan điều tra đã áp dụng chính sách hình sự đối với những người này, không truy cứu trách nhiệm hình sự mà chuyển xử lý hành chính.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T T L và những người có nghĩa vụ liên quan là T X D1 và T X D2, cả ba người cùng bàn nhau chặt phá rừng và góp tiền thuê người chặt phá gây thiệt hại cho tài sản của nhà nước 28.124.450 đồng. Do đó áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị cáo T T L và những người có nghĩa vụ liên quan là T X D1 và T X D2 phải liên đới nộp số tiền khắc phục hậu quả là 28.124.450 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước. Trong đó phần mỗi người là 9.374.816 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm mười sáu đồng). Bị cáo T T L đã tự nguyện nộp số tiền 4.924.450đ (Bốn triệu chín trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Bị cáo T T L còn phải nộp số tiền là 4.450.366 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

[6] Về vật chứng vụ án gồm:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chuyển 01 máy cưa xích cầm tay, 01 máy cắt cỏ và 07 cây rựa đến Hạt kiểm lâm huyện M H để xử lý theo đối tượng. Hiện còn tạm giữ 01 cái rựa dài 78cm, cán làm bằng gỗ tròn dài 50cm, lưỡi làm bằng kim loại dài 28cm, giữa phần lưỡi bị sứt mẻ, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 02 vòng kim loại bao quanh. Là công cụ T T L sử dụng để chặt phá rừng.

Căn cứ điểm a khoản 2, Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy: 01 cái rựa có chiều dài cả cán và lưỡi 78cm, phần cán làm bằng gỗ tròn có đường kính 3cm, dài 50cm, phần lưỡi làm bằng kim loại dài 28cm, phần lưỡi rộng nhất 5cm, hẹp nhất 2,8cm, giữa phần lưỡi bị sứt mẻ, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 02 vòng kim loại bao quanh.

Số vật chứng trên đã được chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/02/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Minh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

[7] Về án phí: Bị cáo T T L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công. Bị cáo T T L và những người có nghĩa vụ liên quan là T X D1 và T X D2 là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo T T L phạm tội: "Hủy hoại rừng"

- Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 189; các điểm b, p, k khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 54, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo T T L.

Xử phạt bị cáo T T L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T T L cho UBND xã T H, huyện M H, tỉnh Q B và gia đình bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2010.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị cáo T T L và những người có nghĩa vụ liên quan là T X D1, T X D2 phải liên đới nộp số tiền khắc phục hậu quả là 28.124.450 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước. Trong đó phần mỗi người là 9.374.816 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm mười sáu đồng). Bị cáo T T L đã tự nguyện nộp số tiền 4.924.450đ (Bốn triệu chín trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên lai số 0003121 ngày 08/5/2018 nộp số tiền 4.000.000 đồng (

Bốn triệu đồng) và biên lai số 0003126 ngày 18/6/2018 nộp số tiền 924.450 đồng (Chín trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) . Bị cáo T T L còn phải nộp số tiền là 4.450.366 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

* Về vật chứng vụ án gồm: Căn cứ điểm a khoản 2, Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy: 01 cái rựa có chiều dài cả cán và lưỡi 78cm, phần cán làm bằng gỗ tròn có đường kính 3cm, dài 50cm, phần lưỡi làm bằng kim loại dài 28cm, phần lưỡi rộng nhất 5cm, hẹp nhất 2,8cm, giữa phần lưỡi bị sứt mẻ, phần tiếp giáp giữa cán và lưỡi có 02 vòng kim loại bao quanh.

Số vật chứng trên đã đươc chuyển giao và hiện đang bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/02/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Minh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo T T L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công. Bị cáo T T L và những người có nghĩa vụ liên quan là T X D1 và T X D2 là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai báo cho bị cáo, những người có nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/3/2019) , những người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Minh Hoá;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Bị cáo;
- NCQL&NVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Lâm Xướng